

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2020/HS-ST

Ngày: 29-10-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phí Thị Phương Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lý Vĩnh Thành – Chủ tịch Hội Đồng Y thành phố Châu Đốc.
2. Bà Võ Thị Thanh Phương – Nguyên Bí thư Đoàn TNCSHCM phường Vĩnh Ngươn.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lương Văn Khang, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 114/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Trương Đặng Phi T, sinh ngày 09/6/2002, nơi sinh: Y – An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; nơi cư trú: tổ 13, khóm K 1, phường CP, thành phố Y, tỉnh An Giang; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn H, sinh năm 1968 và bà Đặng Thị Mỹ L, sinh năm 1967; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người nhỏ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/10/2020 cho đến nay, có mặt.

***Người bào chữa cho bị cáo:*** Ông Phan Văn E là Luật sư của Văn phòng luật sư Y thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ: số 1245 Quốc lộ 91, ấp P, xã C, huyện T, tỉnh An Giang; (có mặt).

***Người làm chứng:***

- Ông Trương Văn H, sinh năm 1968; (có mặt).
- Ông Nguyễn Thanh A, sinh năm 1999; (vắng mặt).

- Ông Bùi Văn M, sinh năm 2001; (vắng mặt).

*Người chứng kiến:* Ông Nguyễn Trí K, sinh năm 1996; (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 18/11/2019, lực lượng phối hợp Công an phường CP và Công an thành phố Y trên đường tuần tra đến khu vực tổ 13, khóm K 1, phường CP, thành phố Y, kiểm tra xe mô tô, nhãn hiệu Wave alpha, biển số 67Z1 – 7784 do Trương Đăng Phi T đang dẫn bộ, phát hiện, bắt quả tang thu giữ trong cốp xe 01 hộp hình vuông, màu đen, có 01 túi nhựa trong suốt, hàn kín, chứa tinh thể trắng; 06 túi nhựa trong suốt, cắt một đầu; 01 đoạn ống hút, màu xanh, sọc trắng, cắt một đầu; 01 kéo kim loại; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A1K, màu đen. T khai ma túy đá mua của thanh niên tên Phong (không rõ lai lịch), cất giấu để sử dụng và bán cho những người nghiện.

Vật chứng thu giữ: 01 hộp hình vuông, màu đen, có 01 túi nhựa trong suốt, hàn kín, chứa tinh thể trắng; 06 túi nhựa trong suốt, cắt một đầu; 01 đoạn ống hút, màu xanh, sọc trắng, cắt một đầu; 01 kéo kim loại; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A1K, màu đen (đã bàn giao Cơ quan thi hành án dân sự); 01 xe mô tô, nhãn hiệu Wave alpha, biển số 67Z1 – 7784; tiền Việt Nam 2.250.000 đồng (đã trả lại cho chủ sở hữu Trương Văn H).

Kết luận giám định số: 211/KLGT-PC09 (MT) ngày 30/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang xác định: Mẫu M thu giữ của Trương Đăng Phi T gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0172 gam.

Cáo trạng số: 53/CT-VKSCĐ ngày 24/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố Trương Đăng Phi T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận, với mục đích muốn có ma túy để sử dụng và có tiền tiêu xài, bị cáo đã hơn 10 lần mua ma túy của người thanh niên tên Phong, mỗi lần từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng, chia nhỏ sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện khác như: bán cho Bùi Văn M 04 lần, mỗi lần 100.000đ, Nguyễn Thanh A 02 lần, một lần 200.000 đồng, một lần 150.000 đồng và nhiều lần bán cho Long, Hằng, Lành, những người nghiện khác không rõ lai lịch; thu lợi từ việc bán ma túy được khoảng 750.000 đồng. Đến khoảng 00 giờ ngày 18/11/2019, khi bị cáo đang dẫn bộ xe mô tô, biển số 67Z1 – 7784 tại khu vực tổ 13, khóm K 1, phường CP, thành phố Y thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, thống nhất với kết luận giám định.

Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người làm chứng - những người trực tiếp mua ma túy của bị cáo cũng như vật chứng được thu giữ cùng các tài liệu, nguồn chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó, có cơ sở xác định, bị cáo đã nhiều lần có hành vi bán ma túy cho đối tượng nghiện, trong đó có Nguyễn Thanh A, Bùi Văn M và một số người khác không rõ họ tên. Do đó, cáo trạng truy tố đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Vì vậy, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; tự thú khai nhận đối với những lần bán ma túy trước đó; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, thuộc thành phần lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định các điểm r, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Chương XII của Bộ luật Hình sự.

Do đó, về hình phạt chính, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T theo quy định tại khoản 6 Điều 91 của Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

Trong thời gian bị cáo bán ma túy, bị cáo khai nhận số tiền hưởng lợi từ việc bán ma túy cho các đối tượng nghiện được khoảng 750.000 đồng. Đề nghị áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo có trách nhiệm giao nộp lại số tiền đã thu lợi bất chính là 750.000 đồng từ hành vi phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước; tịch thu tiêu hủy lượng ma túy đã thu giữ còn lại sau giám định và 06 bịch nylon trong suốt được hàn kín, 01 đoạn ống hút nhựa màu xanh sọc trắng, 01 cây kéo bằng kim loại; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO được bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với một xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha, biển số 67Z1 – 7784 và tiền Việt Nam 2.250.000 đồng đã được Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố Y giao trả cho ông Trương Văn H trong giai đoạn điều tra nên không đề cập xử lý lại.

Đối với Bùi Văn M, Nguyễn Thanh A có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy Cơ quan cảnh sát Điều tra chuyển xử lý hành chính là phù hợp; những người tên Long, Hằng, Lành, Phong, không rõ lai lịch, Cơ quan cảnh sát Điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý theo luật định.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo từ 05 (năm) năm tù đến 06 (sáu) năm tù là cao. Đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét thêm, hiện nay bị cáo là lao động chính trong gia đình vì cha bị cáo hiện bị tai nạn lao động, bị thương tật đối với một chân, chị bị cáo đã đi lấy chồng. Thời điểm bị cáo phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán ma túy không lớn, chỉ có 750.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, đã tự thú khai nhận về các lần bán ma túy để xử phạt bị cáo từ 03 đến 04 năm tù.

Đôi đáp quan điểm bào chữa của người bào chữa, Kiểm sát viên cho rằng, việc bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán ma túy lớn hay không lớn không ảnh hưởng đến khung hình phạt và tội danh của bị cáo. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đi ngược lại với chính sách phòng, chống tội phạm về ma túy của Nhà nước. Khi luận tội, Kiểm sát viên đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 và đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự về quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo. Do đó, mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên vẫn giữ mức hình phạt đã đề nghị đối với bị cáo.

Bị cáo thống nhất với quan điểm bào chữa, không có ý kiến tranh luận bổ sung; trong lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*Về tố tụng,*

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an nhân dân thành phố Y; Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Y; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người làm chứng Nguyễn Thanh A, Bùi Văn M; người chứng kiến Nguyễn Trí K, vắng mặt; bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của những người này. Xét, những người làm chứng, người chứng kiến đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

*Về nội dung,*

[4] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai của bị cáo với lời khai của những người làm chứng được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp nhau về khoảng thời gian, địa điểm cũng như cách thức mua bán ma túy, cụ thể các đối tượng nghiện ma túy điện thoại cho bị cáo (số điện thoại 0378865498) để thỏa thuận giá và địa điểm giao nhận ma túy; phù hợp với loại ma túy và giá tiền mà bị cáo đã bán, cụ thể: Bùi Văn M khai, từ cuối tháng 10/2019 đến giữa tháng 11/2019, có 04 lần mua ma túy đá của T, mỗi lần mua 100.000 đồng (BL 62, 63,64); Nguyễn Thanh A khai, có 02 lần mua ma túy đá của T, ngày 13/11/2019 mua 01 bịch với giá 200.000 đồng và ngày 17/11/2019, mua 01 bịch với giá 150.000 đồng (BL 54, 55, 56).

Ngoài ra, hành vi mà bị cáo đã thực hiện còn phù hợp với các nguồn chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa như: biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 18/11/2019, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 18/11/2020, biên bản ghi lời khai người chứng kiến ông Nguyễn Trí K ngày 18/11/2019 và ngày 01/4/2020, biên bản kiểm tra điện thoại ngày 21/11/2019, kết luận giám định ngày 30/11/2019 xác định mẫu gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0172 gam, phù hợp với vật chứng vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ liên quan khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định, với mục đích muốn có ma túy để sử dụng và có tiền để tiêu xài, trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến ngày 18/11/2019, bị cáo đã nhiều lần có hành vi mua chất ma túy, loại Methamphetamine, bán lại cho Bùi Văn M 04 lần, Nguyễn Thanh A 02 lần và một số đối tượng nghiện khác như Long, Hằng, Lành (không rõ lai lịch). Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán ma túy là vi phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Vì vậy, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung cấu thành tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Đối với 02 người trở lên” được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự như nội dung cáo trạng truy tố.

Ma túy là chất gây nghiện, là mầm mống làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác nên Nhà nước độc quyền quản lý, đồng thời nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Xét, cần có mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để bị cáo nhận thức sâu sắc hơn về hành vi đã thực hiện; đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tự thú về các hành vi phạm tội đã thực hiện trước đó. Xét về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; thuộc thành phần lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

Xét về độ tuổi của bị cáo khi thực hiện tội phạm, bị cáo sinh ngày 09/6/2002 theo bản sao giấy khai sinh số 577/2004 của Ủy ban nhân dân phường CP, thị xã (nay là thành phố) Y cấp. Thời điểm phạm tội ngày 18/11/2019, bị cáo đã trên 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi; do đó, Hội đồng xét xử áp dụng chế định người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại Chương XII Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Xét thấy, việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo theo quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên. Người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 đến 04 năm tù nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác với các tình tiết Kiểm sát viên đã đề nghị, hơn nữa việc xử phạt bị cáo từ 03 đến 04 năm tù là không tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, không đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập: Khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 91 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Kiểm sát viên.

[7] Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Quá trình phạm tội, bị cáo T khai khoản thu lợi bất chính từ việc bị cáo mua bán trái phép chất ma túy mà có là 750.000 đồng nên buộc bị cáo có trách nhiệm nộp lại số tiền này để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) phong bì ghi niêm phong vụ số: 211/KLGT-PC09 (MT) ngày 30/11/2019: đây là chất ma túy bị cáo tàng trữ trái phép để sử dụng và bán, là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 hộp vuông màu đen, bên trong có: 06 bịch nylon trong suốt được hàn kín, một đầu đã được cắt; 01 đoạn ống hút nhựa màu xanh sọc trắng, một đầu được cắt vát và 01 cây kéo bằng kim loại. Đây là tài sản của bị cáo nhưng không còn giá trị sử dụng; xét tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A1K màu đen cùng sim Viettel. Bị cáo xác định đây là tài sản của bị cáo nhưng sử dụng liên lạc với Phong để mua ma túy cũng như liên lạc với M, A và một số người nghiện khác để bán ma túy nên đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội; xét, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Những vấn đề khác:

Đối với một xe mô tô, biển số 67Z1 – 7784 và tiền Việt Nam 2.250.000 đồng. Đây là tài sản của ông H, ông H khai không biết bị cáo sử dụng vào việc thực hiện tội phạm. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố Y đã giao trả cho ông Trương Văn H là phù hợp nên không đề cập xử lý lại.

Đối với Bùi Văn M, Nguyễn Thanh A có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy Cơ quan cảnh sát Điều tra chuyển xử lý hành chính là phù hợp; những người tên Long, Hằng, Lành, Phong, không rõ lai lịch, Cơ quan cảnh sát Điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý theo luật định nên không đề cập trong vụ án.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;*

Tuyên bố bị cáo: Trương Đăng Phi T phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt: Bị cáo Trương Đăng Phi T: 05 (năm) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày 16/10/2020 (*mười sáu, tháng mười, năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

*Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;*

Buộc bị cáo T giao nộp khoản thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy mà có là 750.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì ghi niêm phong vụ số: 211/KLGT-PC09 (MT) ngày 30/11/2019 có đóng dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Y và các chữ ký ghi tên: Nguyễn Thị Mỹ Hà, Nguyễn Đăng Khoa, Ôn Văn Thuận;

- 01 (một) hộp vuông màu đen, bên trong có: 06 (sáu) bịch nylon trong suốt được hàn kín, một đầu đã được cắt; 01 (một) đoạn ống hút nhựa màu xanh sọc trắng, một đầu được cắt vát; 01 (một) cây kéo bằng kim loại.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A1K màu đen, số IMEI1: 861795042402316; IMEI2: 861795042402308 cùng sim Viettel số 8984; 04800; 00519; 73191 (điện thoại đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong).

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 17/4/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Y với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y).

*Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Buộc bị cáo Trương Đăng Phi T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với án phí, số tiền phải nộp vào ngân sách nhà nước) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Bị cáo;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phí Thị Phương Nhung**